TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27 /2018/QĐST – DS.	*N, ngày 25 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 43/2018/TLST – DS ngày 22 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B; Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đồng bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H; Cùng địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Bùi Thị B yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) vay vào ngày 29/4/2017, có thỏa thuận lãi 2,5%/tháng và xác định số tiền lãi là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn*

đồng). Tại phiên hòa giải chị B xin thay đổi việc tính lãi là 20%/năm/số tiền nợ gốc, tính từ ngày 29/4/2017 đến ngày hòa giải số tiền lãi là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); Chị B xin rút yêu cầu đòi tiền lãi từ 12.500.000đ xuống còn 7.000.000đ. Tổng cả nợ gốc và lãi là 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*).

Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H chấp nhận số tiền nợ gốc 30.000.000đ; Số tiền lãi là 7.000.000đ; Tổng nợ gốc và lãi là 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)*; Thời hạn anh Th và chị H phải trả số tiền 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*) vào ngày 29-7-2018.

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị B với anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H: Nếu anh Th và chị H chậm trả tiền theo thời gian xác định trên thì phải trả lãi 20%/năm/ số tiền nợ gốc chậm trả.

-*Về án phí*: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H nhận nộp 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Bùi Thị B được nhận lại 1.062.500đ (*Một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0001986 ngày 22-5-2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn;
- đồng bị đơn;
-VKSND huyện;
- THADS huyện;
-Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo